

Số: Kon43/2026

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN LƯU VỰC SÔNG KÔN- HÀ THANH

I- Dự báo diễn biến thủy văn vùng thượng lưu:

Nhận xét tình hình trong 24h qua

Trong 24h qua trên lưu vực có mưa. Dòng chảy đến các hồ dao động nhẹ. Lúc 7h sáng nay, mực nước tại Bình Nghi đạt 14.68m thấp hơn BĐI 0.82m; mực nước tại Thanh Hòa đạt 4.98m thấp hơn BĐI 1.02m.

Dự báo trong 24h tới

Dự báo trong 24h tới trên lưu vực có mưa nhỏ. Dòng chảy đến các hồ thay đổi. Mức nước tại Bình Nghi và Thạnh Hòa dao động dưới mức BĐ I.

Diễn biến mực nước các nút tính toán:

[illegible]

Vĩnh Sơn 4	Mực nước (H, m)									
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)									
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)									
Vĩnh Sơn 5	Mực nước (H, m)				153.50	153.80	154.20	154.65	154.90	154.95
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				30.00	29.89	29.66	31.61	38.82	56.74
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					26.89	25.66	27.61	37.82	56.74
Trà Xom 1	Mực nước (H, m)	653.80	653.83	653.84	653.86	653.85	653.90	653.95	654.00	654.00
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	5.21	3.72	1.93	2.51	2.47	2.37	2.24	2.10	2.01
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	1.10	1.10	1.10	1.10	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mực nước (H, m)				75.14	75.18	75.23	75.28	75.34	75.45
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					47.18	45.61	47.14	57.52	77.10
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					30.50	30.50	30.50	30.50	30.50
Núi Một	Mực nước (H, m)				38.15	38.15	38.15	38.15	38.15	38.15
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				1.80	1.78	1.73	1.67	1.59	1.51
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mực nước (H, m)				61.51	61.50	61.55	61.55	61.60	61.60
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				2.77	2.75	2.72	2.67	2.62	2.60
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mực nước (H, m)				24.80	24.80	24.90	25.00	25.05	25.00
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				22.16	33.00	32.47	31.76	32.23	34.95
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				22.16	22.16	22.16	22.16	70.10	22.16

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mực nước: 767.19 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.22 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 815.89 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.35 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 971.71 m
- Lưu lượng đến hồ: 2.42 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 153.50 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 653.86 m
- Lưu lượng đến hồ: 2.51 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 75.14 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	0.00	m
- Lưu lượng đến hồ:	38.15	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	0.00	m
- Lưu lượng đến hồ:	61.51	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	24.80	m
- Lưu lượng đến hồ:		m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa